

PLĐC (Final Day)

Định nghĩa về Pháp Luật:

▼ Pháp luật là 1 hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung

▼ Nguồn gốc của pháp luật

- Các tập quán, nguyên tắc trở nên lỗi thời, không đủ khả năng điều chỉnh các QHXX; Sự phát triển về kinh tế, XH ⇒ nhu cầu xuất hiện pháp luật.
- Ra đời vào giai đoạn cuối của công xã nguyên thủy (tập quán, tín điều tôn giáo, đạo đức là phương tiện điều chỉnh các QHXX...);

⇒ PL đã trở thành công cụ thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, góp phần bảo vệ lợi ích của NN.

- Chế độ tư hữu xuất hiện
- Sự phân chia các giai cấp có lợi ích đối kháng

▼ Các loại nguồn (4 nguồn)

- Khái niệm: Nguồn pháp luật là những hình thức thể hiện các quy tắc bắt buộc chung được nhà nước thừa nhận có giá trị pháp lý để áp dụng giải quyết các quan hệ pháp luật.

▼ Văn bản QPPL

- Khái niệm: Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) là văn bản có chứa QPPL, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định (Điều 2 Luật BHVBQPPL 2015).
- Là hình thức tiến bộ được nhiều quốc gia sử dụng là hình thức luật chủ yếu nhất và phổ biến

▼ Tập quán pháp

- Khái niệm: Là việc Nhà nước thừa nhận các tập quán đã tồn tại trong thực tế có giá trị pháp lý, trở thành QPPL mang tính bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế.
- Điều kiện để áp dụng tập quán pháp:

- Quan hệ đang tranh chấp thuộc lĩnh vực mà PL điều chỉnh;
- Chưa có QPPL trực tiếp điều chỉnh;
- Các quy phạm và chế định hiện tại không thể giải quyết các tranh chấp đó;
- Được cộng đồng thừa nhận như chuẩn mực ứng xử trong tr/hợp đó.

▼ Đặc điểm

- Tập quán pháp có nguồn gốc từ tập quán;
- Để trở thành tập quán pháp thì tập quán pháp đó phải phù hợp với ý chí và lợi ích của giai cấp thống trị;
- Được nhà làm luật thừa nhận và nâng lên thành pháp luật.

▼ **Tiền lệ pháp**

- Khái niệm: là hình thức NN thừa nhận những quyết định của cơ quan tư pháp khi giải quyết những vụ việc cụ thể
- Cho đến nay, có tất cả 43 án lệ được Nhà nước thừa nhận.
- Án lệ đầu tiên là một vụ án hình sự. Nguồn án lệ: Quyết định giám đốc thẩm số 04/2014/HS-GĐT ngày 16-4- 2014 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về vụ án "Giết người"

▼ **Lẽ công bằng**

- Khi ko áp dụng đc tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản QPPL thì mới áp dụng lẽ công bằng
- Khái niệm: Lẽ công bằng được xác định trên cơ sở "lẽ phải được mọi người trong xã hội thừa nhận, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, không thiên vị và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ việc dân sự đó." Lẽ công bằng không phải là quy định của pháp luật mà là lẽ phải trong cuộc sống.

▼ Điều kiện áp dụng

- Tranh chấp đang được xem xét giải quyết thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự (Quan hệ về tài sản

mang tính chất hàng hóa – tiền tệ và quan hệ về nhân thân phi tài sản)

- Các bên tranh chấp không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, pháp luật không có quy định, không có tập quán, không có quy định để áp dụng tương tự, không có án lệ. Thẩm quyền áp dụng lẽ công bằng thuộc tòa án các cấp.
- Áp dụng lẽ công bằng căn cứ vào từng tranh chấp riêng biệt, thậm chí những tranh chấp cùng loại thì việc áp dụng lẽ công bằng cũng không như nhau. Áp dụng lẽ công bằng cần thiết và quan trọng là việc xác định chủ thể thuộc các bên tranh chấp, có tính đến những người yếu thế và tính phức tạp, quy mô về tài sản của tranh chấp và tính thực tế, khách quan của sự kiện phát sinh là những tranh chấp cần phải được giải quyết cho phù hợp với đạo lý thông thường.

▼ Cấu trúc bên trong của pháp luật

- Ngành luật trong mỗi ngành luật có nhiều chế định và trong chế định có quy phạm
 - Xác định ngành luật nhờ đối tượng điều chỉnh (các quan hệ xã hội đc điều chỉnh) và pp điều chỉnh của ngành luật (cách thức nhà nc điều chỉnh)

▼ Có 12 ngành luật chính

- Luật nhà nc
- Luật hành chính
- Luật tài chính
- Luật đất đai
- Luật dân sự
- Luật lao động
- Luật hôn nhân và gia đình
- Luật hình sự
- Luật tổ tụng dân sự
- Luật tố tụng hình sự

- Luật kinh tế
- Luật quốc tế
- Chế định: là một tập hợp gồm hai hay một số quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có tính chất chung và liên hệ mật thiết với nhau.

▼ Quy Phạm Pháp Luật

- Khái niệm: là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do NN đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các quan hệ xã hội

▼ Cơ cấu của quy phạm pháp luật

▼ Giả định

- Giả định là một bộ phận của QPPL nêu lên những tình huống giả định (thời gian địa điểm, hoàn cảnh, đối tượng tác động...) có thể xảy ra trong thực tế cuộc sống mà nếu xảy ra trong thực tiễn thì cần phải điều chỉnh bằng các QPPL.
- Bộ phận giả định chỉ ra phạm vi tác động của QPPL. Có 2 loại: giản đơn (nêu lên một điều kiện, hoàn cảnh) và phức tạp (nêu lên nhiều điều kiện, hoàn cảnh và giữa chúng có mối liên hệ).
- Ví dụ:
 - Khoản 1 Điều 87 của Luật Giáo dục năm 2005 quy định: "Người học các chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Nhà nước thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của Nhà nước; trường hợp không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo".
 - Xác định giả định giản đơn Điều 33 Hiến pháp năm 2013: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm
 - Giả định phức tạp: Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu"

▼ Quy định

- Quy định là bộ phận của QPPL nêu lên cách xử sự hay quy tắc xử sự cho chủ thể (các tổ chức, cá nhân) ở vào điều kiện, hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định của quy phạm. Đây là bộ phận trực tiếp thể hiện ý chí, mong muốn của Nhà nước, là mệnh lệnh của Nhà nước đối với các chủ thể, nó chỉ rõ quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các chủ thể tham gia vào QHXX do quy phạm điều chỉnh.
Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật trả lời câu hỏi: Phải làm gì? Được làm gì? Không được làm gì? Làm như thế nào?
- Mệnh lệnh được nêu ở bộ phận quy định của quy phạm pháp luật có thể dứt khoát (chỉ nêu một cách xử sự và các chủ thể buộc phải xử sự theo mà không có sự lựa chọn. Ví dụ khoản 1, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng".
- Hoặc không dứt khoát (nêu ra 2 hoặc nhiều cách xử sự và cho phép các tổ chức hoặc cá nhân có thể lựa chọn cho mình cách xử sự thích hợp từ những cách xử sự đã nêu, ví dụ: Luật hôn nhân và Gia đình quy định: "Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn là cơ quan đăng ký kết hôn.; Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở nước ngoài").
- "Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan phải thành lập bằng văn bản gồm những nội dung chủ yếu" (Khoản 1 Điều 46 Luật SHTT)
⇒ Quy định: "phải thành lập bằng văn bản"
- "Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan" (Khoản 1 Điều 50 Luật SHTT)
⇒ Quy định: "có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan"

▼ Chế tài

- Khái niệm: Chế tài là một bộ phận của QPPL, nêu lên biện pháp cưỡng chế mà nhà nước dự kiến áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức không thực hiện đúng bộ phận quy định của QPPL
- Ví dụ: Nghị định 100/2019/NĐ-CP Điều 6. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ
"6.
Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:
c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

▼ Phân loại các quy phạm pháp luật

▼ Tính chất mệnh lệnh

- **Ví dụ 1. Quy phạm cấm**
"Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt từ 2 năm đến 7 năm. " – Điều 130 BLHS 2015
- **Ví dụ 2. Quy phạm bắt buộc**
"Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống BĐS của chủ sở hữu BĐS liền kề – Điều 250 BLDS 2015
- **Ví dụ 3. Quy phạm trao quyền**
"Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả tên đệm, nếu có). Họ, tên của một người được xác định theo họ và tên khai sinh của người đó" – Điều 26 BLDS 2015

▼ Nội dung mục đích thông tin quy phạm

- **Ví dụ 1. Quy phạm định nghĩa**

"Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản" – Điều 105 BLDS 2015

- **Ví dụ 2. Quy phạm điều chỉnh**

“Người hưởng dụng có quyền sở hữu đối với hoa lợi, lợi tức thu được từ tài sản là đối tượng của quyền hưởng dụng trong thời gian quyền này có hiệu lực ” – Điều 264 BLDS 2015

- **Ví dụ 3. Quy phạm bảo vệ**

“Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, VHNT, TDTT, y tế, đã bị xử lý kỷ luật... thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5 triệu đến 50 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm” – Điều 165 BLHS 2015

▼ **Tác dụng của quy phạm**

- **Ví dụ 1. Quy phạm nội dung**

“Đại diện là việc cá nhân, pháp nhân (sau đây gọi chung là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác (sau đây gọi chung là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. ” — Điều 134 BLDS 2015

- **Ví dụ 2. Quy phạm hình thức**

“Khi tiến hành tố tụng dân sự, nếu có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi mà không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 87 của Bộ luật này thì Tòa án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng.”
- Điều 88 BLTTDS 2015

2. Văn Bản QPPL

▼ **Khái niệm VBQPPL:** là văn bản có chứa quy phạm pháp luật được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục

theo quy định của PL.

▼ Các loại văn bản

Văn bản QPPL	Văn bản áp dụng pháp luật (văn bản cá biệt)	Văn bản hành chính	Văn bản chuyên môn
Ví dụ: -Luật; -Nghị định; -Thông tư...	- Biên bản xử phạt vi phạm trong lĩnh vực GTĐB; - Bản án của tòa án; - Quyết định về nhân sự;...	- Công văn - Thông báo - Báo cáo - Biên bản làm việc;...	- Khóa luận, luận văn, luận án; - Bài báo nghiên cứu khoa học;...

▼ Những đặc điểm cơ bản của VBQPPL

- Do cơ quan nhà nước ban hành. Thẩm quyền ban hành được quy định tại Luật ban hành VBQPPL;
- Được ban hành theo đúng tên gọi, trình tự và thủ tục pháp lý;
- Có chứa đựng những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung;
- Được NN bảo đảm thực hiện.

▼ Hệ thống VBQPPL của Nhà nước Việt Nam

▼ Văn bản luật

- Chủ thể ban hành: Quốc hội.
- Bao gồm: Hiến pháp, Bộ luật/Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, trong đó Hiến pháp là đạo luật cao nhất.

▼ Văn bản dưới luật

- Là Văn bản QPPL do các cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của PL, có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật và không được trái với văn bản luật,

HỆ THỐNG VB QPPL THEO LUẬT MỚI (SỬA ĐỔI) CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2021				
HIẾN PHÁP (Quốc hội)				
BỘ LUẬT (Quốc hội)		LUẬT (Quốc hội)		NGHỊ QUYẾT (QH)
PHÁP LỆNH (UBTVQH)	NGHỊ QUYẾT (UBTVQH)	NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH với Đoàn CT UBTVMTQVN)	NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH, CP, Đoàn CT UBTVMTQVN)	
LỆNH (Chủ tịch nước)		QUYẾT ĐỊNH (Chủ tịch nước)		
NGHỊ ĐỊNH (Chính phủ)		NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (CP với Đoàn Chủ tịch UBTVMTQVN)		
QUYẾT ĐỊNH (Thủ tướng Chính phủ)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)				
THÔNG TƯ (Chánh án TANDTC)	THÔNG TƯ (Viện trưởng VKS NĐTC)	THÔNG TƯ (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	THÔNG TƯ LIÊN TỊCH (Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	QUYẾT ĐỊNH (Tổng Kiểm toán nhà nước)
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				
Văn bản QPPL, lệnh, quyết định địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp huyện)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp huyện)				
NGHỊ QUYẾT (của Hội đồng nhân dân cấp xã)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp xã)				

▼ Hiệu lực của các VBQPPL

• Khái niệm:

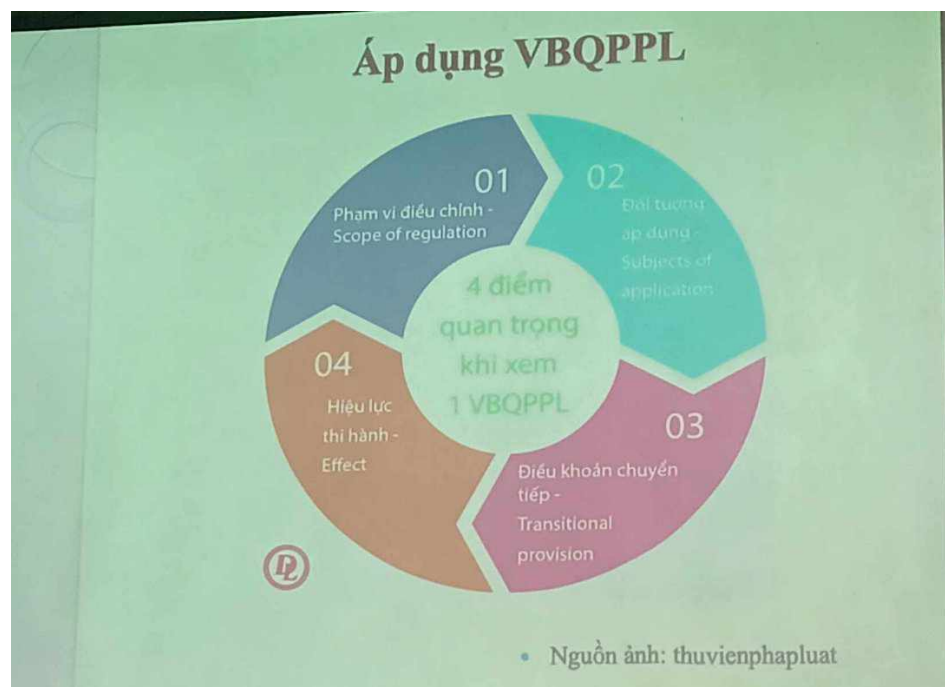
- Là thời điểm phát sinh giá trị điều chỉnh các quan hệ xã hội và giới hạn về thời gian, không gian (theo lãnh thổ), về đối tượng thi hành mà VBQPPL đó tác động tới.
- Phải được đăng Công báo mới có giá trị.

• Thời gian: Được xác định từ thời điểm phát sinh cho đến khi chấm dứt sự tác động của văn bản đó.

Thời điểm có hiệu lực được quy định trong VB nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày công bố hoặc kí ban hành (trừ tr/h khẩn cấp).

- **Hồi tố:** Tr/hợp thật cần thiết mới áp dụng hiệu lực trở về trước;
 - Không được áp dụng VB có hiệu lực trở về trước đối với những trường hợp mà hậu quả pháp lý sẽ nặng hơn.
- **Không gian:** Được xác định theo lãnh thổ Quốc gia, một vùng hay một địa phương nhất định.
- **Đối tượng thi hành:** Đối tượng tác động của VBQPPL bao gồm cá nhân, các tổ chức và những mối QHXX mà văn bản đó cần phát huy hiệu lực.

▼ Áp dụng VBQPPL



▼ Do nhà nước ban hành hoặc do nhà nc thừa nhận

▼ Nguồn gốc nhà nc

▼ Thuyết thần quyền (Dẫn chứng Bộ luật Manu, Ấn Độ)

- Ra đời từ rất sớm (học thuyết cổ điển nhất về nguồn gốc nhà nước)
- Nội dung: Nhà nước do thần linh, thượng đế hay thế lực siêu nhiên tạo ra, tồn tại vĩnh cửu, bất biến
- Đứng đầu nhà nước là vua(từ thời cổ đại→phong kiến)

- Quyền lực nhà nước là tối thượng và sự phục tùng nhà nước là lẽ tất yếu

→ Giải thích nguồn gốc nhà nước mang tính duy tâm

→ Không mang tính dân chủ, tiến bộ, và có sự lạm quyền

→ Nhà nước đóng vai trò cai trị XH, không phục vụ XH

→ Là cơ sở tư tưởng cho các nhà nước quân chủ chuyên chế

▼ -Thuyết Khế ước Xã hội:

- Ra đời trong bối cảnh nền chuyên chế PK đang ở giai đoạn suy tàn và các cuộc CMTS bắt đầu nổ ra để chống lại sự chuyên chế độc đoán của nhà nước PK, đòi quyền tham gia quản lý NN cho giai cấp tư sản. → Nhu cầu được sống trong XH hòa bình hơn, được bảo vệ mình, tài sản một cách chính đáng ra đời.
- Khế ước Xh là một khái niệm trừu tượng, giả định chứ không phải là một hợp đồng được kí kết giữa các bên như ngày nay, thể hiện sự thỏa thuận, thống nhất của con người nhằm tạo ra nhà nước là hợp đồng hay còn gọi là khế ước xã hội.

→ Có nguồn gốc từ XH chứ không phải là lực lượng siêu nhiên.

→ Đóng vai trò phục vụ chứ không phải cai trị.

→ Mang tính dân chủ, tiến bộ, thừa nhận chủ quyền nhân dân.

→ Là cơ sở tư tưởng cho các nhà nước cộng hòa dân chủ.

▼ -Thuyết gia trưởng:

- Nhà nước là kết quả phát triển của gia đình, là hình thức tự nhiên của con người, là mô hình của một gia tộc mở rộng, quyền lực gia trưởng nâng cao thành quyền lực nhà nước.
- Nhà nước có trong mọi xã hội. Sự xuất hiện của nhà nước là xuất phát trực tiếp từ nhu cầu quản lý cộng đồng nhằm đảm bảo cuộc sống của người dân.
- Điểm hợp lý: Cho rằng nhà nước xuất hiện từ nhu cầu quản lý XH, bảo vệ an toàn cho mọi người và bảo vệ lợi ích chung.
- Hạn chế: Học thuyết này đã biện minh cho sự bất bình đẳng, nô dịch và thống trị con người trong XH, coi đó là điều tất yếu.

▼ Quan điểm của chủ nghĩa Mac Lê-nin (có nhà nc từ hình thái thứ 2)

- Nhà nước không phải là một sản phẩm của tự nhiên, vĩnh cửu, bất biến mà là một phạm trù lịch sử có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong.
- Xuất hiện một cách khách quan từ sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy.
- Tiền đề kinh tế: chế độ tư hữu tài sản.
- Tiền đề XH: sự phân chia XH thành các giai cấp hoặc tầng lớp xã hội mà giữa các giai cấp, tầng lớp đó có lợi ích cơ bản đối kháng nhau đến mức không thể điều hòa → đấu tranh giai cấp.
- Là hiện tượng này sinh từ XH, chỉ xuất hiện khi XH đạt đến một trình độ nhất định.
- Là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.

→ Giải thích nguồn gốc NN một cách khách quan, theo quan điểm duy vật biện chứng.

→ Trên cơ sở xác định bản chất thật sự của NN

→ Mục tiêu giải phóng giai cấp, tiến đến xã hội không còn nhà nước và giai cấp nữa.

▼ Định nghĩa về nhà nước theo quan điểm của MAC

- Nhà nước là hình thức tổ chức xã hội có giai cấp, là tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt có chức năng quản lý xã hội để phục vụ lợi ích trước hết của giai cấp thống trị, thực hiện những hoạt động chung này sinh từ bản chất XH.

▼ Bộ máy nhà nước vn

- Khái niệm: là hệ thống các cơ quan nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc nhất định nhằm thực hiện nhiệm vụ và chức năng của nhà nước
- Các nguyên tắc tổ chức
 - Tập trung thống nhất
 - Sự lãnh đạo của đảng công sản vn
 - Có sự phân công phân cấp kiểm soát giữa các cơ quan trong bộ máy nn
 - Pháp quyền xhcn

- Các cơ quan trong bộ máy nhà nước:
 - Chế định độc lập
 - Chủ tịch nước
 - 4 cơ quan
 - Quốc hội từng ương và HĐND địa phương
 - Cơ quan quản lý nhà nước
 -

▼ Để điều chỉnh cách mạng xã hội

▼ QUAN HỆ PHÁP LUẬT

▼ Khái niệm

Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được Nhà nước điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật, trong đó các bên tham gia quan hệ pháp luật có các quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định, được nhà nước bảo đảm được thực hiện.

- Ví dụ:
 1. Quan hệ hôn nhân giữa vợ và chồng được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình, trong đó vợ và chồng đều có quyền và nghĩa vụ.
 2. Quan hệ mua bán giữa người mua và người bán được điều chỉnh bởi Luật Dân sự và Luật chuyên ngành, trong đó các bên đều phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

▼ Cấu trúc

▼ Chủ thể

• Khái niệm:

- Là các cá nhân, tổ chức có khả năng trở thành các bên tham gia QHPL và khi tham gia vào QHPL đó, một bên hoặc các bên sẽ được hưởng quyền và/hoặc sẽ phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý nhất định.
- Năng lực chủ thể của QHPL là khả năng mà pháp luật quy định cho cá nhân, tổ chức được tham gia vào các QHPL nhất định.

▼ Năng lực Pháp luật

- Là khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và những nghĩa vụ pháp lý được Nhà nước thừa nhận trong các VBQPPL.

Ví dụ:

BLDS 2015 quy định về năng lực pháp luật dân sự của các cá nhân, như: Quyền nhân thân, quyền tài sản, quyền thừa kế...

- Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền và nghĩa vụ dân sự.
- Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.
- Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

▼ **Năng lực hành vi**

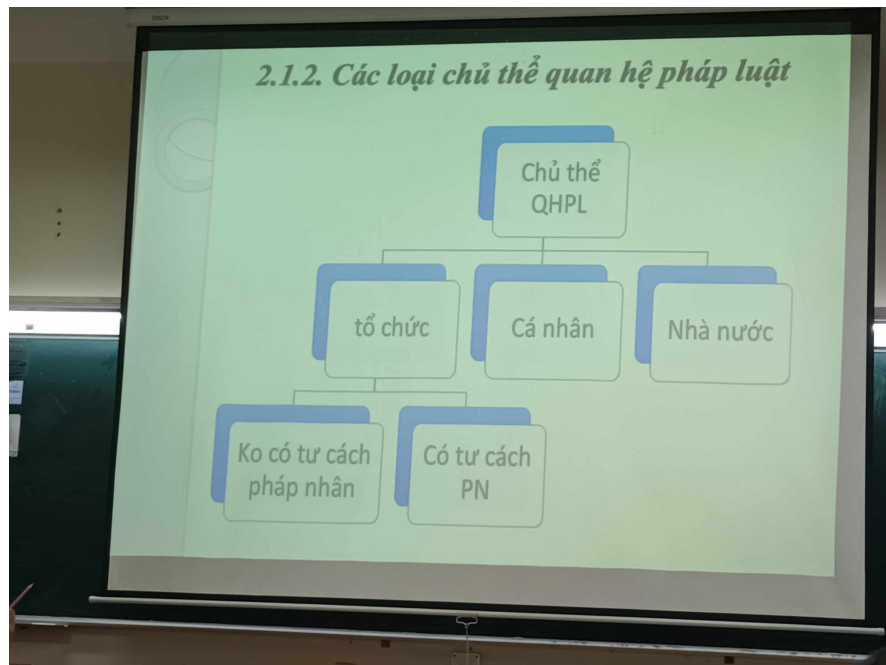
- Là khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý khi tham gia vào các QHPL.

Ví dụ:

BLDS 2015 quy định cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự khi đủ tuổi thành niên.

- Năng lực hành vi dân sự của cá nhân (Điều 19 – Điều 21 BLDS)
Là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự.

▼ **Các loại chủ thể**



a) Tổ chức

- Gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế... có năng lực chủ thể để tham gia các QHPL.
- NLPL & NLHV của tổ chức được nhà nước thừa nhận trong các VBQPPL và tùy thuộc vào quy chế/điều lệ/giấy phép thành lập.
- Tổ chức có 02 loại:
 - + Không có tư cách pháp nhân;
 - + Có tư cách pháp nhân.

b) Cá nhân

- Là chủ thể chủ yếu của các QHPL. Năng lực chủ thể của cá nhân phát triển, tăng dần cùng độ tuổi, đến một độ tuổi nhất định thì cá nhân có năng lực chủ thể đầy đủ.
- Năng lực pháp luật: có từ lúc sinh ra đến khi chết.
- Năng lực hành vi: khi đến độ tuổi nhất định cho đến đủ 18 tuổi trở lên đến khi chết, trừ những trường hợp bị mất hoặc bị hạn chế NLHV.

Phân biệt Hạn chế & Mất năng lực hành vi		
Tiêu chí	Hạn chế năng lực hành vi	Mất năng lực hành vi
Giống nhau	- Khi và chỉ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố người đó mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. - Cá nhân không thể tự mình tham gia các giao dịch, giao dịch phải do người đại diện theo pháp luật thực hiện.	
Khác nhau		
Đối tượng	Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến các bệnh lý về thần kinh, cơ thể.	Người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi.
Hệ quả pháp lý	Giao dịch do người hạn chế năng lực hành vi dân sự thực hiện, xác lập là vô hiệu, trừ trường hợp được sự đồng ý của người đại diện hoặc giao dịch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.	Giao dịch do người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện, xác lập là vô hiệu. Giao dịch phải do người đại diện theo pháp luật thực hiện
Người đại diện	Do Tòa án chỉ định.	Người đại diện (còn gọi là người giám hộ) có thể được chỉ định hoặc đương nhiên trở thành người đại diện theo quy định của pháp luật.

c) Nhà nước

- Nước CHXHCN Việt Nam tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự với tư cách là chủ thể đặc biệt:
 - Tự quy định cho mình các quyền trong quan hệ mà NN tham gia;
 - Là chủ thể trong tất cả các ngành luật.
- Nước CHXHCN Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương khi tham gia quan hệ dân sự thì bình đẳng với các chủ thể khác và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định.

▼ Nội dung

- **Quyền pháp lý của chủ thể**
 - Được hành động trong khuôn khổ do những QPPL xác định trước, thực hiện những hành vi mà PL cho phép;
 - Yêu cầu bên còn lại của QHPL thực hiện nghĩa vụ của họ;
 - Yêu cầu chấm dứt những hành vi cản trở việc thực hiện quyền chủ thể;
 - Yêu cầu CQNN có thẩm quyền thực hiện sự cưỡng chế trong trường hợp cần thiết.

- **Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể**

- Phải thực hiện những hành vi nhất định theo quy định của pháp luật, nhằm đáp ứng quyền của các chủ thể khác;
- Không được thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm;
- Chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện, thông qua sự cưỡng chế của Nhà nước nếu không tự nguyện.

▼ **Khách thể**

- Khách thể của QHPL là đối tượng mà các bên tham gia QHPL mong muốn đạt được khi tham gia vào các QHPL đó *là những lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất, hành vi xử sự của con người,...*

▼ **Sự kiện pháp lý**

- **Khái niệm:**

- Là những sự kiện sẽ xảy ra trong đời sống xã hội làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt những quan hệ pháp luật nhất định.
- Chỉ những sự kiện xã hội có ý nghĩa pháp lý mà được các nhà làm luật dự liệu, thừa nhận trong các QPPL tương ứng mới được gọi là sự kiện pháp lý.

- **Phân loại sự kiện pháp lý**

- Căn cứ vào mối liên hệ giữa sự kiện thực tế xảy ra với ý chí của thể tham gia QHPL

- **Hành vi pháp lý**

- Hành vi hợp pháp ⇒ thực hiện pháp luật
- Hành vi bất hợp pháp ⇒ Vi phạm pháp luật

- **Sự biến pháp lý:** Sự biến là sự kiện khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người nhưng trong những trường hợp nhất định, nhà làm luật cũng gắn với sự phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật cụ thể.
Ví dụ: thiên tai, hoả hoạn do sét đánh, thời hạn trôi qua, cái chết tự nhiên của con người...

- Căn cứ vào hậu quả pháp lý

- SKPL làm phát sinh QHPL: Ví dụ sự kiện một người chết làm phát sinh quan hệ thừa kế, việc kết hôn dẫn đến hình thành quan hệ hôn nhân.
- SKPL làm thay đổi QHPL: Ví dụ việc vợ chồng thỏa thuận phân chia tài sản làm thay đổi tình trạng xã hữu tài sản trong hôn nhân; dù rằng quan hệ hôn nhân vẫn tiếp tục được duy trì; việc sáp nhập doanh nghiệp A và doanh nghiệp B có thể làm thay đổi chủ thể và cả một số nội dung của quan hệ hợp đồng còn dang dở mà bên A đã ký kết và đã chuyển giao cho B tiếp tục thực hiện.
- SKPL làm chấm dứt QHPL: Ví dụ sự kiện chị X bị tai nạn chết sẽ làm chấm dứt quan hệ hôn nhân gia đình, quan hệ xã hội, quan hệ lao động có liên quan đến chị X. Vậy việc ông Y trả nợ sẽ làm chấm dứt quan hệ hợp đồng vay tài sản với chủ nợ.

▼ Đc bảo đảm thực hiện bởi nhà nc

▼ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

▼ Thực hiện pháp luật

- Khái niệm: Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của chủ thể pháp luật.
- **Các hình thức thực hiện pháp luật**
 - Tuân thủ pháp luật
 - Các chủ thể tham gia pháp luật thực hiện hành vi của mình bằng cách kiểm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm
 - Thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.
 - Ví dụ: Người tham gia giao thông không vượt đèn đỏ.
 - **Áp dụng pháp luật**
 - Là hình thức trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền hoặc tổ chức được Nhà nước trao quyền thực hiện những quy định của pháp luật làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc

chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể. Hình thức áp dụng do người có thẩm quyền thực hiện. Tà

- **Sử dụng pháp luật**

- là một hình thức mà chủ thể pháp luật thực hiện quyền của mình theo những quy định của PL (chủ thể thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép)
- Là hình thức không bắt buộc chủ thể phải thực hiện

- **Thi hành pháp luật**

- (Hay còn gọi là chấp hành pháp luật) là một hình thức trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực. Đây là hình thức dưới dạng hành động.

▼ VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

▼ Vi phạm pháp luật

- Khái niệm: Vi phạm pháp luật (VPPL) là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

- **Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật**

- Là hành vi xác định của con người thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại...
- Phải là hành vi trái pháp luật;
- Phải là hành vi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện;
- Phải là hành vi có lỗi. Lỗi là thái độ tâm lý của người VPPL thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý.

- **Cấu thành vi phạm pháp luật**

- Chủ thể VPPL
 - Là cá nhân có năng lực trách nhiệm pháp lý hoặc tổ chức (pháp nhân) có lỗi trong việc thực hiện hành vi VPPL
 - Cần xác định:

- Độ tuổi chịu TN pháp
- Năng lực trong quá trình thực hiện hành vi VPPL.

◦ Khách thể VPPL

- Là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại của VPPL nhưng bị hành vi VPPL xâm phạm đến và gây thiệt hại (hoặc đe dọa gây thiệt hại).
- Ví dụ:
 - Hành vi cố ý gây thương tích xâm phạm tới quyền được bảo vệ sức khỏe, tính mạng...
 - Hành vi trộm cắp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

◦ Mặt chủ quan

- Là trạng thái tâm lý bên trong (tình cảm, diễn biến tâm lý, thái độ.) của chủ thể thực hiện hành vi VPPL.
- Lỗi ↔ Mục đích ↔ Động cơ

◦ Mặt khách quan

- Là những biểu hiện bên ngoài của VPPL, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các QHXX được pháp luật bảo vệ và gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại
- Gồm 3 yếu tố:
 - Hành vi trái pháp luật
 - Hậu quả nguy hiểm cho XH
 - Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả
- Ngoài 3 yếu tố: Còn có thời gian, địa điểm, phương tiện/công cụ vi phạm.
- Ví dụ: Phân biệt mặt khách quan giữa hành vi trộm cắp và cướp tài sản?
 - Đều là hành vi chiếm đoạt tài sản.
 - Tuy nhiên:
 - Trộm cắp: hành vi lén lút quan sát, lợi dụng sơ hở để lấy cắp tài sản (mang tính chất không công khai)

- Cướp tài sản: hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản ngay tức khắc (mang tính công khai)

▼ Trách nhiệm pháp lý

- Khái niệm:
 - : Là hậu quả của hành vi VPPL được thể hiện trong việc CQNN có thẩm quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế được quy định trong bộ phận chế tài của QPPL đối với người VPPL.
- Đặc điểm:
 - Là hậu quả của hành vi VPPL, chỉ phát sinh khi có VPPL xảy ra.
 - Do CQNN có thẩm quyền thực hiện.
 - Phải căn cứ văn bản ADPL đã được ban hành và đang có hiệu lực pháp lý.
 - Luôn gắn liền với cưỡng chế nhà nước.
- Các dạng trách nhiệm pháp lý
 - TNPL hình sự
 - Là dạng TNPL nghiêm khắc nhất - là hậu quả của việc thực hiện tội phạm được thể hiện trong việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Toà án) áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do PLHS quy định.
 - Hình phạt
 - Cải tạo không giam giữ/ Án treo
 - Phạt tù
 - Chung thân/ tử hình
 - TNPL dân sự
 - Là hậu quả của hành vi VPPL dân sự được thể hiện trong việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL dân sự một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của Nhà nước do pháp luật dân sự quy định.

- Phạt vi phạm
- Bồi thường thiệt hại
- Ví dụ: A vay tiền của B số tiền là 200.000.000 VNĐ như vậy khi xác lập giao dịch vay tiền A đã có trách nhiệm dân sự là phải trả tiền cho B với thời hạn do hai bên thỏa thuận
- TNPL hành chính
 - Là hậu quả của hành vi VPPL hành chính được thể hiện trong việc cơ quan NN có thẩm quyền áp dụng đối với người đã có lỗi trong việc VPPL hành chính một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế (chế tài xử lý) của NN do PL hành chính quy định, bao gồm: Phạt cảnh cáo, phạt tiền.
- TNPL kỷ luật
 - Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức do vi phạm kỷ luật, vi phạm quy tắc hay nghĩa vụ trong hoạt động công vụ hoặc vi phạm pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

▼ Nó thể hiện ý chí của nhà nc nhưng phải phù hợp với điều kiện kt, xh nhất định

Chương 1

Chương 2